TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN HỮU LŨNG** **TỈNH LẠNG SƠN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 14/2021/HNGĐ-ST
Ngày 06 - 7 – 2021
V/v ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HỮU LŨNG, TỈNH LẠNG SƠN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hoàng Thị Tuyết.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Phạm Văn Xuân.

Ông Đặng Hải Quân.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Mai, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hữu Lũng, tỉnh Lạng Sơn.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Hữu Lũng, tỉnh Lạng Sơn tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Kim Huyền - Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 7 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hữu Lũng, tỉnh Lạng Sơn xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 22/2021/TLST-HNGĐ, ngày 24 tháng 3 năm 2021 về tranh chấp "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 15/2021/QĐXXST–HNGĐ ngày 19 tháng 5 năm 2021; Thông báo chuyển ngày xét xử sơ thẩm vụ án dân sự số 367/TB-TA, ngày 07 tháng 6 năm 2021, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1974; cư trú tại: Phường T, thành phố T, tỉnh Thái Nguyên. Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt.

- *Bị đơn:* Anh Trần Quang H, sinh năm 1968; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Khu C, thị trấn H, huyện H, tỉnh Lạng Sơn; nơi ở hiện nay: Cơ sở cai nghiện ma túy tỉnh L, Km số 10, xã T, huyện C, tỉnh Lạng Sơn. Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 18/3/2021, bản tự khai, biên bản ghi lời khai, nguyên đơn chị Nguyễn Thị H trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Trần Quang H sau thời gian tự nguyện tìm hiểu, yêu thương đã đi đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn H, huyện H, tỉnh

Lạng Sơn vào ngày 26/10/2011 và đã được hai bên gia đình tổ chức cho đám cưới theo phong tục. Sau khi kết hôn chị và anh H chung sống hạnh phúc, tuy nhiên đến năm 2015 vợ chồng bắt đầu nảy sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do anh H mắc vào tệ nạn ma túy, chị và hai bên gia đình đã khuyên nhủ anh nhiều lần nhưng anh không thay đổi, do đó chị và anh đã sống ly thân từ tháng 3/2020 đến nay. Nay chị xác định không còn tình cảm gì với anh H, chị xin được ly hôn với anh.

Về con chung: Không có.

Về tài sản chung: Không có.

Về nợ chung: Không có.

Theo biên bản ghi lời khai, bị đơn anh Trần Quang H trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị Nguyễn Thị H có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn H, huyện H, tỉnh Lạng Sơn vào năm 2011. Trước khi kết hôn anh chị có được tự do tìm hiểu và tự nguyện kết hôn và đã được hai bên gia đình tổ chức cho đám cưới theo phong tục. Thời gian đầu sau khi kết hôn anh chị chung sống hạnh phúc, sau đó vợ chồng có xảy ra mâu thuẫn nhưng chỉ là những mâu thuẫn nhỏ trong gia đìnhgiữa con rể và mẹ vợ, tuy nhiên vợ chồng không thể hòa giải được. Trước khi anh đi cai nghiện, anh và chị H vẫn chung sống cùng nhau. Nay chị H làm đơn ly hôn trong lúc anh đang hoạn nạn như này, anh không đồng ý do vẫn còn tình cảm với chị H.

Về con chung: Không có.

Về tài sản chung: Chị H còn giữ của anh H 72.000.000 đồng trong bộ loa của dàn Karaoke và bộ dàn Karaoke, anh đã bảo chị H cầm số tiền cho anh lên cơ sở cai nghiện nhưng chị H không cầm lên cho mà lại baor không thấy, tuy nhiên, sự việc đó anh đã làm đơn đến Công an huyện H, tỉnh Lạng Sơn về số tiền này nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát có quan điểm:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, HĐXX, Thư ký phiên tòa: Trong quá trình thụ lý giải quyết vụ án Thẩm phán đã xác định đúng thẩm quyền, đúng mối quan hệ pháp luật; việc thu thập chứng cứ tài liệu trong hồ sơ vụ án đúng trình tự và đầy đủ; việc tống đạt các văn bản tố tụng và chuyển hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu đúng quy định pháp luật. Tại phiên tòa Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy định về tố tụng; nguyên đơn, bị đơn đã chấp hành đúng các quy định về quyền và nghĩa vụ tố tụng tại Điều 71, Điều 72 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về quan điểm giải quyết vụ án:

- Về quan hệ hôn nhân: Căn cứ Điều 51, Điều 56, Điều 57 của Luật hôn nhân và gia đình, cho chị H được ly hôn với anh H.

- Về con chung: Không có.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không xem xét giải quyết.

- Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được kiểm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[1] Về thủ tục tố tụng: Tòa án đã tiến hành triệu tập hợp lệ chị Nguyễn Thị H và anh Trần Quang H, cả chị H và anh H đều vắng mặt có đơn xin xét xử vắng mặt. Việc vắng mặt của chị H, anh H không gây ảnh hưởng cho việc xét xử nên Hội đồng xét xử quyết định vẫn tiến hành xét xử theo quy định tại điểm khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền: Chị Nguyễn Thị H có đơn khởi kiện yêu cầu giải quyết về quan hệ hôn nhân nên xác định quan hệ tranh chấp của vụ án là ly hôn. Bị đơn anh Trần Quang H có địa chỉ tại khu C, thị trấn H, huyện H, tỉnh Lạng Sơn, theo quy định tại khoản 1 Điều 28, Điều 35, 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện Hữu Lũng, tỉnh Lạng Sơn.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Căn cứ vào lời khai của đương sự, căn cứ vào chứng cứ do đương sự cung cấp và các chứng cứ do Toà án thu thập có đủ cơ sở để khẳng định: Năm 2011, chị Nguyễn Thị H và anh Trần Quang H về chung sống với nhau trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, anh chị có đi đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật nên cuộc hôn nhân này là hợp pháp. Chị H khai trong quá trình chung sống, do anh H nghiện hút ma túy, hai bên gia đình và chị đã khuyên nhủ nhưng anh không thay đổi nên mâu thuẫn ngày càng trầm trọng anh H đã nhiều lần chửi mắng, xúc phạm và đánh đập chị. Anh H cũng khai vợ chồng có mâu thuẫn nhưng chỉ là những mâu thuẫn nhỏ trong gia đình giữa con rể và mẹ vợ tuy nhiên, vợ chồng anh không hòa giải được. Xét thấy, mục đích của hôn nhân là xây dựng cuộc sống gia đình hạnh phúc, vợ chồng hòa thuận, tin tưởng, thương yêu nhau, anh H muốn vợ chồng đoàn tụ chung sống nhưng anh không có biện pháp gì để giải quyết dứt điểm mâu thuẫn vợ chồng bắt nguồn từ việc mâu thuẫn giữa anh và mẹ đẻ chị H. Hơn nữa, anh khẳng định mình còn tình cảm với chị H nhưng lại cho rằng chị H còn giữ của anh số tiền 72.000.000 đồng và có viết đơn gửi Công an huyện Hữu Lũng, tỉnh Lạng Sơn để được giải quyết. Do đó, nếu chị H, anh H quay về đoàn tụ chung sống với nhau cũng không có hạnh phúc, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nên xử cho chị Hương được ly hôn với anh H là có căn cứ. Vì vậy Toà án chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Nguyễn Thị H. Căn cứ vào khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[4] Về con chung: Không có.

[5] Về tài sản chung: Chị H khai chị và anh H không có tài sản chung, anh H khai chị H đang giữ của anh 72.000.000 đồng nhưng anh không có yêu cầu giải quyết về tài sản nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[6] Về nợ chung: Không có.

[7] Về án phí: Chị Nguyễn Thị H phải nộp án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[8] Về quyền kháng cáo: Chị H, anh H được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Các Điều 51, 56, 57 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án .

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Nguyễn Thị H - Xử cho nguyên đơn được ly hôn với bị đơn anh Trần Quang H.

2. Về con chung: Không có.

3. Về tài sản chung: Không xem xét giải quyết.

4. Về nợ chung: Không có.

5. Về án phí: Chị Nguyễn Thị H phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm để sung công quỹ Nhà nước. Xác nhận chị Hương đã nộp số tiền 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tại biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số: AA/2016/0002135, ngày 24 tháng 3 năm 2021 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Hữu Lũng, tỉnh Lạng Sơn.

6. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án./

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Lạng Sơn;
- VKSND tỉnh Lạng Sơn;
- VKSND huyện Hữu Lũng;
- Chi cục THADS huyện Hữu Lũng;
- UBND thị trấn H;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Hoàng Thị Tuyết